TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 270/2023/DS-PT
Ngày: 19/9/2023
V/v: *" Yêu cầu hủy văn bản tặng cho nhà, đất; đòi tài sản và yêu cầu chia di sản thừa kế "*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các Thẩm phán: ông **Phạm Tấn Hoàng**

ông **Phạm Tồn**

- ***Thư ký phiên tòa***: bà **Dương Thị Tuyết Trinh**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Bùi Ngô Ý Nhi**, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 02 năm 2023 về "*Yêu cầu hủy văn bản tặng cho nhà, đất; đòi tài sản và yêu cầu chia di sản thừa kế".* Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 15/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2440/2023/QĐ-PT ngày 28/6/2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

1. Cụ Nguyễn Văn S (chết)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn S*:*

1.1. Bà Nguyễn ViVi A (Nguyễn Thị Thanh H), sinh năm: 1964; địa chỉ: B Corde Terra C #3114, S, CA 95111, USA, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Vi Vi A1:

Bà Nguyễn Thị Thanh H1; địa chỉ: G C, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh, vắng mặt.

1.2. Ông Nguyễn Ngọc N; địa chỉ: A Mountain Craig CT F Valley C 92708 USA, vắng mặt.

1.3. Ông Nguyễn Ngọc S1; địa chỉ: B Scottslade DR S CA 95148 USA, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Ngọc S1:

Bà Đỗ Thị Ngọc M; địa chỉ: D N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

1.4. Bà Nguyễn Thị Ngọc D (Nguyen L); địa chỉ: H Tulip Wood Circle W CA 92683 USA, vắng mặt.

1.5. Bà Nguyễn Thị Túy V; địa chỉ: F Savstrom Way S 95111 USA, vắng mặt.

1.6. Ông Nguyễn Ngọc D1 (Nathan Nguyen); địa chỉ: A Trask A USA, vắng mặt.

1.7. Bà Nguyễn Thị Ngọc Y (chết);

Bà Y có chồng là ông Lê Thành L (chết năm 1987) và một người con duy nhất là bà Lê Mai K, sinh năm 1970; địa chỉ: số A đường L, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, bà K có mặt.

1.8. Bà Nguyễn Thị Cẩm T (chết);

Bà T có chồng ông Terry E và hai con là Tremain E1, Terrick E2; hiện không rõ chồng con bà T ở đâu.

2. Bà Nguyễn Vi Vi A1 (Nguyễn Thị Thanh H), sinh năm: 1964; địa chỉ: B Corde Terra C #3114, S, CA 95111, USA.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Vi Vi A1:

Bà Nguyễn Thị Thanh H1; địa chỉ: G C, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

***** Ông Nguyễn Ngọc N, ông Nguyễn Ngọc S1, bà Nguyễn Thị Ngọc D, bà Nguyễn Thị Túy V, ông Nguyễn Ngọc D1, bà Nguyễn Thị Ngọc Y, bà Nguyễn Thị Cẩm T đồng thời là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

*** Bị đơn:** bà Lê Mai K, sinh năm 1970; địa chỉ: số A đường L, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Mai K: bà Trần Thị Kim L1, Luật sư, Văn phòng Luật sư Trần Đình L2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh K, có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:**

Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1969; địa chỉ: A Khu phố N, đường A, phường T, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P*:* ông Phạm Hùng L3; địa chỉ: nhà C phố T, T, quận T, thành phố Hà Nội, có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Trần Quang T1; địa chỉ: ô B Lô A H, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

2. Phòng C1 tỉnh Khánh Hòa; địa chỉ: A H, thành phố N, Khánh Hòa, vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt.

3. Ông Phạm Anh T2; địa chỉ: số A đường H, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

4. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày:

Nhà đất tại địa chỉ số E đường M, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa do cụ Trần Thị N1 mua của ông Mai Kim C, sinh năm 1897 theo Giấy đoạn mãi đất lập ngày 18/4/1959. Vào thời điểm mua đất, cụ Nguyễn Văn S bận làm ăn xa nên chỉ có cụ Trần Thị N1 đứng tên mua. Đến ngày 05/02/2009, cụ Trần Thị N1 ký giấy xác nhận nhà đất nêu trên là tài sản chung của cụ N1 và cụ S.

Cụ S và cụ N1 có 08 người con chung gồm các ông (bà): Nguyễn Ngọc Y, Nguyễn Ngọc N, Nguyễn Ngọc S1, Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Thị Túy V, Nguyễn Ngọc D1 và Nguyễn ViVi A, Nguyễn Thị Cẩm T. Bà Y chết, có chồng là ông Lê Thành L (chết năm 1987) và một người con duy nhất là bà Lê Mai K. Bà T chết, có chồng ông Terry E và hai con là Tremain E1, Terrick E2; hiện không rõ chồng con bà T ở đâu. Ngoài ra, ông S và bà N1 không có người con riêng, con nuôi nào khác.

Do cụ S, cụ N1 và các con đều sinh sống ở Mỹ nên nhờ cháu ngoại là bà Lê Mai K trông nom nhà cửa và đứng ra làm thủ tục hợp thức hóa nhà đất. Năm 2012, cụ Trần Thị N1 chết không để lại di chúc, cụ Nguyễn Văn S và các con tiếp tục ủy quyền cho bà Lê Mai K quản lý và sử dụng nhà đất nêu trên. Tuy nhiên, bà K đã lợi dụng lòng tin của cụ S và gia đình, âm thầm sang tên toàn bộ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà cho mình, điều này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông S và và các con của ông. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cụ Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Vivi A2 khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa buộc bà Lê Mai K phải trả lại nhà đất tại địa chỉ số E đường M, phường V, thành phố N và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của bà Trần Thị N1 là nhà đất tại E M, phường V, thành phố N.

Ngày 24/12/2017, cụ S chết có để lại di chúc ngày 09/11/2015 phân chia di sản thừa kế của cụ S làm ba phần, một phần để lo hậu sự cho cụ S, một phần cho bà Nguyễn Thị Túy V và một phần cho bà Nguyễn Thị Ngọc D nhưng cả bà V và bà D đều đã có văn bản từ chối nhận di sản ngày 15/5/2018, đồng ý chia thừa kế phần di sản của cụ S đồng đều theo pháp luật cho tất cả các người con của cụ S và cụ N1. Vì vậy, nguyên đơn bà Nguyễn ViVi A và tất cả những người kế

thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ S đều có yêu cầu chia tài sản thừa kế của cụ S là 1/2 nhà đất tại E M, phường V, thành phố N theo pháp luật.

Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu P về việc yêu cầu bà Lê Mai K tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng nhà đất tại E M cho ông P, nguyên đơn không đồng ý vì bà Lê Mai K không có quyền chuyển nhượng nhà đất nêu trên.

- Bị đơn trình bày:

Bà Lê Mai K thống nhất ý kiến với phía nguyên đơn về thông tin những người con của cụ Nguyễn Văn S và cụ Trần Thị N1.

Bà là người con duy nhất của bà Nguyễn Ngọc Y và là cháu ngoại của cụ S, cụ N1. Mẹ con bà sinh sống tại nhà Đ M, phường V, thành phố N từ năm 1970. Nguồn gốc nhà đất này là của bà ngoại bà mua của ông Mai Kim C, sinh năm 1897 theo Giấy đoạn mãi đất lập ngày 18/4/1959. Năm 1992, mẹ bà mất nên bà tiếp tục quản lý và sử dụng nhà đất cho đến nay.

Ông bà ngoại của bà đi vượt biên qua Mỹ từ năm 1979, bà ngoại của bà đi đoàn tụ tại Mỹ vào năm 1992. Hai năm đầu bà ngoại ủy quyền cho dì của bà là bà Nguyễn Thị Túy V quản lý nhà. Năm 1994, bà V và cậu của bà là ông Nguyễn Ngọc S1 đi đoàn tụ tại Mỹ. Ở Việt Nam còn lại một mình bà, ngoài ra không còn ai khác. Cụ N1 ủy quyền đặc biệt cho Bà vào năm 1994, từ đó Bà quản lý và sử dụng nhà. Cụ S và cụ N1 đã định cư tại Mỹ và không có nhu cầu sử dụng nhà đất ở Việt Nam nên đã làm thủ tục tặng cho nhà đất số E đường M, phường V, thành phố N cho Bà theo các Văn bản thỏa thuận về việc cho tài sản lập ngày 12/3/2008 và ngày 06/3/2009. Việc tặng cho này hoàn toàn hợp pháp và đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Bà không đông ý với yêu cầu khởi kiện đòi tài sản của nguyên đơn cụ Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Vivi A2.

Đối với yêu cầu khởi kiện về việc chia di sản thừa kế của cụ S và cụ N1, nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thì bà yêu cầu được nhận phần tài sản của bà Nguyễn Thị Ngọc Y vì bà là con duy nhất của bà Y. Bà cũng yêu cầu Tòa án xem xét công sức đóng góp, quản lý của bà đối với di sản thừa kế. Đồng thời, bà cũng bỏ ra chi phí sữa chữa nhà là 118.254.000 đồng. Tuy nhiên, bà không yêu cầu thanh toán cho bà phần chi phí này.

Đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Nguyễn Hữu P về việc yêu cầu bà tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng nhà đất 57 Mai Xuân T3 cho ông P, bà đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng thỏa thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Hữu P ***và đại diện theo ủy quyền của ông*** P ***là ông*** Trương Đình B ***trình bày:***

Nhà đất tại địa chỉ E M, phường V, thành phố N đã được bà Lê Mai K thỏa thuận bán cho ông Nguyễn Hữu P theo Văn bản thỏa thuận số 567 ngày 16/8/2010 và Văn bản thỏa thuận số 804 ngày 16/11/2010 với giá trị là 3.000.000.000 đồng, cả hai văn bản thỏa thuận đều được công chứng theo đúng quy định của pháp luật. Ông P đã giao cho bà K 2 950.000.000 đồng.

Trong vụ án này, nếu có đủ căn cứ để xác định bà K có quyền ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ E M, V, N thì ông đề nghị Tòa án buộc bà K phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng như đã thỏa thuận. Trường hợp nếu bà K không thực hiện được hợp đồng chuyển nhượng đã thỏa thuận thì ông không có ý kiến gì trong vụ án này mà sẽ khởi kiện bà K tại vụ án khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc S1 ***và đại diện theo ủy quyền của ông*** S1 ***là bà*** Đỗ Thị Ngọc M ***trình bày:***

Ông Nguyễn Ngọc S1 là con ruột của bà Trần Thị N1 và ông Nguyễn Văn S. Gia đình ông gồm có 08 anh chị em như lời trình bày của nguyên đơn. Ông S1 xác định nhà đất tại E M, V, N là tài sản chung của ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị N1. Ông S1 đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn và đề nghị nhận thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế bằng tiền.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Hữu P, ông S1 không liên quan nên yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc N***, ông*** Nguyễn Ngọc D1 ***trình bày:***

Ông Nguyễn Ngọc N và ông Nguyễn Ngọc D1 thống nhất ý kiến trình bày với ông Nguyễn Ngọc S1. Đồng thời, các ông đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt các ông.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc D***, bà*** Nguyễn Thị Túy V ***và người đại diện theo ủy quyền của bà*** V ***là bà*** Nguyễn Thị H1 ***trình bày:***

Cụ Nguyễn Văn S chết có để lại di chúc ngày 09/11/2015 phân chia tài sản thừa kế của ông S làm ba phần, một phần để lo hậu sự cho cụ S, một phần cho bà Nguyễn Thị Túy V và một phần cho bà Nguyên Thị Ngọc D2 nhưng cả bà V và bà D2 đều đã có văn bản từ chối nhận di sản ngày 15/5/2018, đồng ý chia thừa kế phần di sản của cụ S đồng đều theo pháp luật cho tất cả các người con của cụ S và cụ N1.

Bà V và bà D2 đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn và đề nghị nhận thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế bằng tiền.

Đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Nguyễn Hữu P, bà V và bà D2 yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà D2 đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quang T1 ***trình bày:***

Năm 2008, cụ Trần Thị N1 có cho ông nhà đất tại địa chỉ E M, phường V, thành phố N nhưng ông từ chối, không nhận. Bà Lê Mai K mới là người quản lý và sử dụng nhà đất từ đó tới nay. Ông không liên quan gì đến yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn nên ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và xét xử vắng mặt ông.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng C1 ***tỉnh Khánh Hòa:***

Vì điều kiện thường xuyên bận công việc nên Phòng C1 tỉnh Khánh Hòa đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Anh T2***, Công chứng viên*** Phòng C1 ***tỉnh Khánh Hòa:***

Ông Phạm Anh T2 đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn ViVi A là bà Nguyễn Thị Thanh H1 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn cụ Nguyễn Văn S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi tài sản và chia tài sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn S, cụ Trần Thị N1 là toàn bộ nhà đất tại E M, V, N, Khánh Hòa; yêu cầu Tòa án tuyên hủy "Văn bản thỏa thuận về việc cho tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" giữa cụ Trần Thị N1 với bà Lê Mai K lập ngày 12/3/2008 và "Văn bản thỏa thuận vê việc cho tài sàn quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" giữa cụ Nguyễn Văn S với bà Lê Mai K lập ngày 06/3/2009.

Bị đơn bà Lê Mai K không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu P giữ nguyên yêu câu độc lập, yêu cầu bị đơn bà Lê Mai K tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng toàn bộ nhà đất tại E M, V, N, Khánh Hòa cho ông P. Bà K đồng ý với yêu cầu độc lập của ông P.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 15/8/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Căn cứ Điều 227, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 170, 391, 634, 635, 642, 643, 645, 646 và Điều 667 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Căn cứ khoản 2, khoản 3, khoản 7 Điều 27, Điều 47, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Xác định nhà đất 57 M, V, N, Khánh Hòa có nguồn gốc của cụ Nguyễn Văn S và cụ Trần Thị N1.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Nguyễn Văn S và bà Nguyễn ViVi A về việc hủy "Văn bản thỏa thuận về việc cho tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" giữa cụ Trần Thị N1 với bà Lê Mai K lập ngày 12/3/2008 và "Văn bản thỏa thuận về việc cho tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" giữa cụ Nguyễn Văn S với bà Lê Mai K lập ngày 06/3/2009; yêu cầu đòi tài sản và yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Văn S, bà Trần Thị N1 là căn nhà đất tại E M, V, N, Khánh Hòa.

3. Bà Lê Mai K được quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền trên đất tại E M, V, N, Khánh Hòa. Bà Lê Mai K được nhận số tiền đền bù giải tỏa là 328.013.400 đồng. Trung tâm phát triển quỹ đất có nghĩa vụ chi trả 323.558.399 đồng và Ban quản lý dự án có nghĩa vụ chi trả 4.455.001 đồng cho bà Lê Mai K theo "Văn bản thỏa thuận về việc cho tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" giữa cụ Trần Thị N1 với bà Lê Mai K lập ngày 12/3/2008 và "Văn bản thỏa thuận về việc cho tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" giữa cụ Nguyễn Văn S với bà Lê Mai K lập ngày 06/3/2009.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu P. Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Lê Mai K và ông Nguyễn Hữu P tiếp tục thực hiện "Vãn bản thỏa thuận v/v nhận tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại E M, V, N" ngày 16/8/2010.

Ngoài ra Bản án còn quyết định về án phí, việc thi hành bản án theo Luật Thi hành án dân sự, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 21/8/2019, ngày 27/8/2019 và ngày 26/9/2019, bà Nguyễn Thị Thanh H1 là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn ViVi A, bà Đỗ Thị Ngọc M là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc S1; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Túy V, bà Nguyễn Ngọc D, ông Nguyễn Ngọc D1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Ngày 29/8/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định kháng nghị số 310/QĐKNPT-DS đề nghị Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 202/2020/DS-PT ngày 25/9/2020, Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tuyên không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 310/QĐKNPT-DS ngày 29/8/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn ViVi A, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Ngọc S1, bà Nguyễn Thị Túy V, bà Nguyễn Ngọc D, ông Nguyễn Ngọc D1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 15/8/2019 của Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà.

Tại Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án phúc thẩm số 35/QĐ-SCBSBA ngày 24/12/2020 của Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, bổ sung thêm nội dung "chị Lê Mai K chuyển nhượng nhà đất tại E M, V, N cho anh Nguyễn Hữu P".

Ngày 22/9/2022, Chánh án Toà án nhân dân tối cao ban hành Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 51/2022/KN-DS, đề nghị Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao huỷ Bản án dân sự phúc thẩm số 202/2020/DS-PT ngày 25/9/2020 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án phúc thẩm số 35/QĐ-SCBSBA ngày 24/12/2020 của Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; giao hồ sơ

vụ án cho Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm đúng quy định của pháp luật.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 53/2022/DS-GĐT ngày 15/12/2022, Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, nhận định: Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án phúc thẩm số 35/QĐ-SCBSBA ngày 24/12/2020 của Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng bổ sung thêm nội dung *"chị* Lê Mai K *chuyển nhượng nhà đất tại* E M, V, N *cho anh* Nguyễn Hữu P*"* trong khi hai bên không có thoả thuận này là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng quy định tại Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thực tế, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hoà đã căn cứ Bản án phúc thẩm và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án nêu trên để quyết định buộc bà K thực hiện việc chuyển nhượng nhà đất tại số E M cho anh P, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà K; từ đó chấp nhận kháng nghị, tuyên huỷ toàn bộ Bản án phúc thẩm và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án phúc thẩm số 35/QĐ-SCBSBA ngày 24/12/2020 nêu trên của Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Ngày 16/02/2023, Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ngày 21/8, 27/8/2019 và ngày 26/9/2019, bà Nguyễn Thị Thanh H1 là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn ViVi A, bà Đỗ Thị Ngọc M là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc S1; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Túy V, bà Nguyễn Ngọc D, ông Nguyễn Ngọc D1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; ngày 29/8/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định kháng nghị số 310/QĐKNPT-DS đề nghị Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm. Đơn kháng cáo của các đương sự là trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Quyết định kháng nghị của VKSND tỉnh Khánh Hoà là đúng thời hạn theo quy định tại Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[1.2]. Tại phiên toà phúc thẩm, những người kháng cáo là bà Nguyễn Thị Thanh H1, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Nguyễn ViVi A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Túy V; bà Đỗ Thị Ngọc M đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc S1; bà Nguyễn Thị Túy V, bà Nguyễn Ngọc D, ông Nguyễn Ngọc D1 đều vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời ghi nhận thêm sự

thoả thuận của bà Lê Mai K và ông Nguyễn Hữu P tại Bản thoả thuận và cam kết ngày 07/3/2019, theo đó, bà K đã nhận của ông P 3.000.000.000đ vào ngày 16/8/2010, sau đó bà K đã nhận thêm của ông P số tiền 300.000.000đ, số tiền còn lại ông P phải thanh toán cho bà K là 6.700.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút toàn bộ Quyết định kháng nghị số 310/QĐKNPT-DS ngày 29/8/2019 của Viện trưởng VKSND tỉnh Khánh Hoà. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 289, khoản 5 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị nêu trên; căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự để không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào kết quả tống đạt Giấy triệu tập của Toà án đối với bà Nguyễn Thị Thanh H1 và bà Đỗ Thị Ngọc M; căn cứ vào thông tin trao đổi giữa Thư ký Toà án (qua mạng Zalo) với bà Nguyễn Thị Thanh Hiệp thể hiện những người kháng cáo đã được biết thời gian và địa điểm mở phiên toà phúc thẩm nhưng vắng mặt tại phiên toà. Tại Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 24/2/2020, ông Nguyễn Ngọc D1 và bà Nguyễn Thị Ngọc D xin được xét xử vắng mặt ở phiên toà phúc thẩm vì điều kiện Ông, Bà ở xa không thể về Việt Nam để tham gia phiên toà được.

Những người kháng cáo đều vắng mặt tại phiên toà và nội dung kháng cáo của các đương sự là giống nhau, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt những người kháng cáo như theo đề nghị của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng rút toàn bộ Quyết định kháng nghị số 310/QĐKNPT-DS ngày 29/8/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 289, khoản 5 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

[2]. Xét kháng cáo của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Do các đương sự kháng cáo toàn bộ bản án nên Hội đồng xét xử xem xét các vấn đề:

[2.1]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn ViVi A và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn cụ Nguyễn Văn S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Văn S, cụ thể yêu cầu bà K trả lại 1/2 nhà đất tại E M, V, N; yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Trần Thị N1 là 1/2 nhà đất còn lại tại 57 M, V, N; yêu cầu Tòa án tuyên hủy "Văn bản thỏa thuận về việc cho tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" giữa cụ Trần Thị N1 với bà

Lê Mai K lập ngày 12/3/2008 và "Văn bản thỏa thuận về việc cho tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" giữa cụ Nguyễn Văn S với bà Lê Mai K lập ngày 06/3/2009.

Bà Nguyễn ViVi A: yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ N1 là 1/2 giá trị nhà đất 57 M theo pháp luật. Yêu cầu Tòa án tuyên hủy "Văn bản thỏa thuận về việc cho tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" giữa cụ Trần Thị N1 với bà Lê Mai K lập ngày 12/3/2008 và "Văn bản thỏa thuận về việc cho tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" giữa cụ Nguyễn Văn S với bà Lê Mai K lập ngày 06/3/2009; sau khi cụ S chết, bà A có yêu cầu khởi kiện bổ sung chia di sản thừa kế của cụ S là 1/2 giá trị nhà đất 57 M theo pháp luật.

[2.2]. Về nguồn gốc nhà đất tại số E M, V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa:

Cụ Nguyễn Văn S và cụ Trần Thị N1 làm lễ giá thú ngày 30/12/1944 tại làng D, huyện H, tỉnh Thừa Thiên và được cấp "Chứng thư thay giấy giá thú" có xác nhận của Lý trưởng làng D và Tỉnh trưởng tỉnh Thừa Thiên ngày 18/4/1953, đây là hôn nhân hợp pháp. Ngày 18/4/1959, cụ N1 đứng tên mua một lô đất diện tích 2.847m^2 (tọa lạc tại làng P, quận V, tỉnh Khánh Hòa, nay là số E M, V, N, Khánh Hòa) với giá 20.000 đồng của ông Mai Kim C. Tại *"Bản kê khai nhà cửa"* đối với nhà đất tại E C, N, P (nay là 57 M, V, N, Khánh Hòa) ngày 24/12/1977, cụ Nguyễn Văn S là người đứng tên kê khai. Trong bản kê khai xác định chủ sở hữu đất là cụ Trần Thị N1, cụ S sống chung một hộ với cụ N1. Tại *"Phiếu điều tra cơ bản đất"* ngày 08/11/1979 xác định vợ chồng cụ Nguyễn Văn S và Trần Thị N1 là chủ đất tại E C, N, P.

Từ các căn cứ trên, có cơ sở xác định nhà đất tại E M, V, N, Khánh Hòa là tài sản chung của vợ chồng cụ S và cụ N1 tạo lập trong thời kỳ hôn nhân.

[2.3]. Xác định hàng thừa kế và xét yêu cầu chia di sản thừa kế:

- *Về hàng thừa kế*: cụ N1 và cụ S có 08 người con chung gồm các ông, bà: Nguyễn ViVi An (Nguyễn Thị Thanh H), Nguyễn Ngọc N, Nguyễn Ngọc S1, Nguyễn Thị Ngọc D (Nguyen L), Nguyễn Thị Túy V, Nguyễn Ngọc D1 (N), Nguyễn Thị Ngọc Y (chết năm 1992), Nguyễn Thị Cẩm T (chết). Bà Nguyễn Thị Ngọc Y có chồng là ông Lê Thành L (chết năm 1987) và một người con duy nhất là bà Lê Mai K. Bà Nguyễn Thị Cẩm T có chồng là Terry E và hai con là Tremain E1, Terrick E2.

- *Về yêu cầu chia di sản thừa kế*: cụ Trần Thị N1 chết ngày 03/6/2012 không có di chúc; cụ Nguyễn Văn S chết ngày 24/12/2017, có để lại di chúc ngày 09/11/2015 phân chia di sản thừa kế của Cụ làm ba phần, một phần để lo hậu sự, một phần cho bà Nguyễn Thị Túy V và một phần cho bà Nguyễn Thị Ngọc D nhưng cả bà V và bà D đều đã có văn bản từ chối nhận di sản ngày 15/5/2018, đồng ý chia thừa kế phần di sản của cụ S đồng đều theo pháp luật cho tất cả những người con của cụ S và cụ N1.

Vận dụng tinh thần của Á lệ số 06/2016, Toà án cấp sơ thẩm xác định nếu phân chia di sản thừa kế của cụ S, cụNhạn thì kỷ phần của bà Nguyễn Thị Ngọc

Y sẽ do bà Lê Mai K là người thừa kế của bà Y được nhận; kỷ phần của bà Nguyễn Thị Cẩm T do chồng và các con của bà T là những người thừa kế được nhận, nhưng hiện không rõ địa chỉ chồng, con bà T nên giao kỷ phần này cho bà Lê Mai K quản lý, khi nào chồng và các con của bà T có yêu cầu thì bà K có nghĩa vụ giao trả lại phần tài sản đó là phù hợp, có cơ sở.

- *Xét nhà đất tại* E Mai Xuân T *có phải là di sản thừa kế chưa chia do cụ* Trần Thị N1*, cụ* Nguyễn Văn S *để lại*, Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 12/3/2008, cụ Trần Thị N1 và bà Lê Mai K lập *"Văn bản thỏa thuận về việc cho tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất"* với nội dung cụ N1 đồng ý cho bà K toàn bộ nhà đất tại E M, có chứng nhận của Phòng Công chứng Số 1 tỉnh C1; ngày 06/3/2009, cụ Nguyễn Văn S và bà Lê Mai K ký *"Văn bản thoả thuận về việc cho tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất"* với nội dung cụ S đồng ý cho bà K toàn bộ nhà đất tại E M, có chứng nhận của Phòng C1 tỉnh Khánh Hoà. Thực tế, bà K đã quản lý, sử dụng nhà đất từ năm 1994.

Mặc dù sau ngày 12/3/2008, cụ N1 lập nhiều giấy như: ngày 27/3/2008, cụ N1 lập Giấy ủy quyền cho bà K được quản lý, sử dụng và đóng thuế nhà đất tại E M, V, N, Khánh Hòa; Thông báo về việc hủy Giấy ủy quyền ngày 27/3/2008; trong năm 2009, cụ N1 cũng nhiều lần lập Giấy ủy quyền cho bà K được quản lý, sử dụng nhà đất tại E M, V, N, Khánh Hòa, như Giấy ủy quyền lập ngày 05/02/2009 và ngày 08/7/2009 có xác nhận của Tổng lãnh sự quán nước C2 tại S. Tuy nhiên, trong thời gian này cụ N1 và bà K không lập văn bản nào tuyên hủy bỏ Văn bản thỏa thuận về việc cho tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 12/3/2008; đồng thời, cụ Nguyễn Văn S và bà K cũng chưa lập văn bản nào huỷ bỏ văn bản tặng cho ngày 06/3/2009 nêu trên. Các Văn bản này cũng chưa bị huỷ bỏ bằng bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Toà án. Do vậy, các Văn bản tặng cho nêu trên đã có hiệu lực pháp luật nên có cơ sở khẳng định nhà, đất trên đã được các cụ Nguyễn Văn S, cụ Trần Thị N1 định đoạt tặng cho bà K; vì vậy nhà đất tại E M, V, N, Khánh Hòa không phải di sản thừa kế chưa chia của các cụ để lại.

Do đó, có căn cứ xác định bà Lê Mai K là người có quyền sử dụng đất hợp pháp được cụ Nguyễn Văn S và cụ Trần Thị N1 tặng cho và được nhận số tiền đền bù giải toả khi Nhà nước thu hồi một phần đất. Toà án cấp sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn ViVi A, cụ Nguyễn Văn S về việc hủy *"Văn bản thỏa thuận về việc cho tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất"* lập ngày 12/3/2008 giữa cụ Trần Thị N1 với bà Lê Mai K và *"Văn bản thỏa thuận về việc cho tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất"* lập ngày 06/3/2009 giữa cụ Nguyễn Văn S với bà Lê Mai K, không chấp nhận yêu cầu đòi tài sản và chia tài sản thừa kế đối với nhà đất 57 M, V, N, Khánh Hòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.4]. Xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu P:

Ngày 16/8/2010, bà Lê Mai K và ông Nguyễn Hữu P lập "Văn bản thỏa thuận v/v nhận tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại E M, V, N". Theo đó, hai bên thống nhất giá chuyển nhượng là 3.000.000.000 đồng; ngày 16/8/2010, ông P giao trước cho bà K một phần tiền chuyển nhượng là 2.000.000.000 đồng; ngay khi bà K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với nhà đất nêu trên thì trong vòng 07 ngày, hai bên sẽ đến Phòng C1 tỉnh Khánh Hòa để lập thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật. Như nhận định tại Mục [2.3] của bản án, việc Toà án cấp sơ thẩm công nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất cho bà K là đúng pháp luật, Văn bản thoả thuận lập ngày 16/8/2010 nêu trên không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên việc Toà án cấp sơ thẩm ghi nhận sự thoả thuận của ông P, bà K về việc tiếp tục thực hiện "Văn bản thỏa thuận" ngày 16/8/2010 là đúng pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm, bà K và ông L3 (người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Hữu P) tiếp tục đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận tại Văn bản ngày 16/8/2010 giữa bà K và ông P; người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận thêm sự thoả thuận của bà Lê Mai K và ông Nguyễn Hữu P tại Bản thoả thuận và cam kết ngày 07/3/2019, theo đó, bà K đã nhận của ông P 3.000.000.000đ vào ngày 16/8/2010, sau đó bà K đã nhận thêm của ông P số tiền 300.000.000đ, số tiền còn lại ông P phải thanh toán cho bà K là 6.700.000.000đ.

Do bà K và ông P không kháng cáo bản án sơ thẩm; yêu cầu độc lập ban đầu của ông P là tiếp tục thực hiện sự thoả thuận giữa Ông và bà K vào ngày 16/8/2010 nên đề nghị nêu trên của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn không có cơ sở xem xét. Trong giai đoạn thi hành án nếu các bên tiếp tục thực hiện Văn bản thoả thuận ngày 16/8/2010 thì sự tự nguyện thoả thuận mới của các bên sẽ được xem xét.

[3]. Đối với giá trị tài sản tranh chấp và giải quyết số tiền bồi thường đền bù giải toả:

[3.1]. Theo kết quả định giá ngày 11/10/2018, nhà đất 57 M, V, N có tổng giá trị 28.871368.029 đồng (trong đó quyền sử dụng đất là 28.605.074.400 đồng; giá trị nhà và vật kiến trúc là 266.293.629 đồng). Nhà đất nêu trên thuộc quyền sử dụng của bà Lê Mai K, tại phiên toà phúc thẩm bà K không có ý kiến hay yêu cầu gì về giá nhà đất nêu trên nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.2]. Nhà, quyền sử dụng đất tại E M, V, N có một phần thuộc diện giải tỏa mở rộng đường M nên được bồi thường. Nhà đất này là tài sản của bà Lê Mai K được cụ Nguyễn Văn S và cụ Trần Thị N1 lập văn bản cho nên số tiền bồi thường đền bù giải tỏa thuộc sở hữu của bà K. Theo Biên bản xác minh ngày 05/5/2016 tại Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố N, tổng số tiền được đền bù là 336.013.400 đồng, trong đó tiền thưởng do bàn giao mặt bằng đúng tiến độ là 8.000.000 đồng bà K đã nhận, còn lại 328.013.400 đồng, số tiền này cần giao lại cho bà K, trong đó Trung tâm phát triển quỹ đất chi trả 323.558.399 đồng,

Ban quản lý dự án chi trả 4.455.001 đồng. Trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 26/4/2023 bà Lê Mai K gửi văn bản trình bày đã nhận số tiền 323.558.399 đồng từ Trung tâm phát triển quỹ đất kèm theo là bản phô tô Phiếu chi ngày 29/10/2020. Xét thấy, sau khi xét xử sơ thẩm bà K không có kháng cáo liên quan đến các khoản tiền được Nhà nước bồi thường khi thu hồi đất nên cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về nội dung này, việc bà K đã nhận khoản tiền 323.558.399 đồng sẽ được xem xét khấu trừ ở giai đoạn thi hành án.

[4]. Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh H1 là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn ViVi A; kháng cáo của bà Đỗ Thị Ngọc M là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc S1; kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Túy V, bà Nguyễn Ngọc D, ông Nguyễn Ngọc D1; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 15/8/2019 của Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà.

[5]. Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận, nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 289; khoản 5 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 310/QĐKNPT-DS ngày 29/8/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh H1, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn ViVi A;

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị Ngọc M, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc S1;

- Không chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Túy V, bà Nguyễn Ngọc D, ông Nguyễn Ngọc D1.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 15/8/2019 của Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà.

3. Căn cứ các Điều 170, 391, 634, 635, 642, 643, 645, 646, 667 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Tuyên xử:

3.1. Xác định nhà đất 57 M, V, N, Khánh Hòa có nguồn gốc của cụ Nguyễn Văn S và cụ Trần Thị N1.

3.2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Nguyễn Văn S và bà Nguyễn ViVi A về việc hủy "Văn bản thỏa thuận về việc cho tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" giữa cụ Trần Thị N1 với bà Lê Mai K lập ngày 12/3/2008 và "Văn bản thỏa thuận về việc cho tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" giữa ông Nguyễn Văn S2 với bà Lê Mai K lập ngày 06/3/2009; yêu cầu đòi tài sản và yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Văn S, cụ Trần Thị N1 là căn nhà đất tại E M,V, N, Khánh Hòa.

3.3. Bà Lê Mai K được quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền trên đất tại E M, V, N, Khánh Hòa. Bà Lê M1 được nhận số tiền đền bù giải tỏa là 328.013.400 đồng. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố N, tỉnh Khánh Hòa có nghĩa vụ chi trả 323.558.399 đồng và Ban quản lý dự án thành phố N, tỉnh Khánh Hòa có nghĩa vụ chi trả 4.455.001 đồng cho bà Lê Mai K theo "Văn bản thỏa thuận về việc cho tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" giữa cụ Trần Thị N1 với bà Lê Mai K lập ngày 12/3/2008 và "Văn bản thỏa thuận về việc cho tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" giữa cụ Nguyễn Văn S với bà Lê Mai K lập ngày 06/3/2009.

3.4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu P. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Mai K và ông Nguyễn Hữu P tiếp tục thực hiện "Văn bản thỏa thuận v/v nhận tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại E M, V, N" ngày 16/8/2010.

4. Về án phí và chi phí tố tụng:

4.1. Án phí dân sự phúc thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bà Nguyễn ViVi A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001004 ngày 01/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hoà; bà Nguyễn ViVi A đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Ông Nguyễn Ngọc S1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001000 ngày 01/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hoà; ông Nguyễn Ngọc S1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Ông Nguyễn Ngọc D1 (N) phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001001 ngày 01/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hoà; ông Nguyễn Ngọc D1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001002 ngày 01/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hoà; bà Nguyễn Thị Ngọc D đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Túy V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001003 ngày 01/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hoà; bà Nguyễn Thị Túy V đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4.2. Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng:

Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí uỷ thác tư pháp, định giá tài sản được thực hiện theo Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 15/8/2019 của Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- Cục THA dân sự tỉnh Khánh Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Đức Kiên